

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2021

V/v “Ly hôn, nuôi chung khi ly
hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

Bà Mai Thị Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Thư ký Tòa của Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”, thụ lý số 249/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ph. M. X

Sinh năm: 1992

Địa chỉ: 141 ấp H xã A thành phố T tỉnh L.

- Bị đơn: Ông Đ. Ng. P

Sinh năm: 1990

Địa chỉ: 110 ấp V xã A thành phố T tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Ph. M. X trình bày: Sau hơn một năm tìm hiểu, bà và ông P kết hôn với nhau vào năm 2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015, phát sinh mâu thuẫn, do ông P

có hành vi bài bạc, dẫn đến tình trạng thiếu nợ. Lúc đó, vì thương con và hy vọng ông P sửa đổi nên bà đã trả nợ cho ông. Thế nhưng, ông P vẫn tiếp tục bài bạc, số tiền nợ ngày càng nhiều hơn. Vừa phải lo cho gia đình, vừa phải trả nợ bài bạc của chồng, trong khi ông P không quan tâm gì đến vợ con, sống vô tâm nên từ khoảng tháng 6 năm 2019, bà không chung sống cùng ông P. Không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Ng. P.

Về con chung, bà và ông P có một người con chung, tên là Đ. Th. K. Ng, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2014, con chung hiện đang sống cùng bà. Bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đ. Ng. P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình tố tụng. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết các vấn đề khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đ. Ng. P và bà Ph. M. X là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông P không quan tâm đến gia đình, có hành vi bài bạc, gây ra nợ dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và không chung sống cùng nhau, từ tháng 6 năm 2019. Không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại, bà Ph. M. X khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Ng. P. Theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, ngày 28 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố T đã lập Biên bản về việc không kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được và Biên bản không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân thành phố T đưa vụ án ra xét xử, ông Đ. Ng. P vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa ngày 25 tháng 3 năm 2021 và ngày 16 tháng 4 năm 2021, ông P cũng không tham gia phiên tòa; Bà Ph. M. X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà X và ông P xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011 nên áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình (năm 2000) để giải quyết về nội dung, theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Ông Đ. Ng. P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, thể hiện thái độ bỏ mặc. Đồng thời, ông P cũng không có bất cứ hành vi nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, khó có khả năng đoàn tụ. Tình trạng hôn nhân không hạnh phúc. Cho nên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về con chung, nguyên đơn và bị đơn có một người con chung, tên là Đ. Th. K. Ng, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2014. Bà X có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này của bà X phù hợp với quy định của pháp luật. Hơn nữa, ông P không tham gia tố tụng, không thể hiện ý chí của bị đơn về việc trực tiếp nuôi con nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

[6] Về tài sản chung và nợ chung, do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Ph. M. X chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2000), Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 238, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ph. M. X đối với ông Đ. Ng. P.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Ph. M. X là người trực tiếp nuôi con chung, tên là Đ. Th. K. Ng, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2014; Ông Đ. Ng. P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đ. Ng. P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở ông P thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định

Về án phí: Bà Ph. M. X chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà X đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004875 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T tỉnh L) thành án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ph. M. X, bị đơn Đ. Ng. P vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
- Chi cục thi hành án dân sự
- Các đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Thảo